

**TOÀ ÁN NHÂN D
HỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 11 năm 2021
V/v: "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D HỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu H

Các hội thẩm nhân D : 1, Ông Phan Văn Hùng.

2, Bà Hà Thị Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - Cán bộ Tòa án nhân D Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân D Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2021 về việc "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, Sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 8, xã V, Hện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hán Giáp D, Sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu 8, xã V, Hện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh D đề nghị xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hán Giáp D có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/9/2006 tại UBND xã V(nay là xã V), Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D chơi bời rượu chè về nhà đánh đập vợ con nên vợ chồng mâu thuẫn cãi vã nhau. Đến đầu năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh D có 03 con chung là cháu Hán Thị Thu H, sinh ngày 28/6/2006; Hán Thị Thanh H, sinh ngày 11/8/2008; Hán Đức H, sinh ngày 13/8/2012. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả ba con chung vì các cháu hiện nay đều ở cùng chị, do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Chị H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hán Giáp D, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2021 anh D trình bày: Anh D xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị H sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì chị H dẫn các con về nhà bố mẹ đẻ chị H ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh D xác nhận vợ chồng có ba con chung là cháu Hán Thị Thu H, sinh ngày 28/6/2006; Hán Thị Thanh H, sinh ngày 11/8/2008; Hán Đức H, sinh ngày 13/8/2012. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng chị H. Nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với chị H nên anh nhất trí giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Anh D xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại bản tự khai ngày 21/9/2021 cháu Hán Thị Thu H, Hán Thị Thanh H, Hán Đức H đều đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là xin được ở với mẹ.

4. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 01/10/2021 thấy rằng chị H, anh D đều có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã V, Hện T, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2006 tại UBND xã V(nay là xã V), Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị mâu thuẫn với nhau. Đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó đến nay không quay về nhà anh D nữa, vợ chồng anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh D vì thực tế hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau.

5. Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng D sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4, Điều 147; Điều 227; điều 228 Bộ luật tố tụng D sự. Luật phí và lệ phí 2015. Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử: - Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hán Giáp D.

- Về con chung: Giao 03 con chung chưa thành niên là cháu Hán Thị Thu H, sinh ngày 28/6/2006; Hán Thị Thanh H, sinh ngày 11/8/2008; Hán Đức H, sinh ngày 13/8/2012 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H và anh Hán Giáp D đều xác nhận không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn với anh Hán Giáp D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng D sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Hán Giáp D có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã V, Hện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng D sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân D Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh Hán Giáp D và tiến hành lấy lời khai của anh D, công khai các tài liệu chứng cứ. Do bận công việc anh D không đến tham gia phiên tòa được, anh D đã có yêu cầu đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vắng mặt anh. Nên đây là vụ án D sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ Luật tố tụng D sự và chị Nguyễn Thị H cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh D theo quy định tại khoản 1, điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng D sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh D là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã V(nay là xã V), Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/9/2006. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Anh chị đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến đầu năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Ngày 01/10/2021 Tòa án nhân D Hện Tam Nông đã tiến hành xác minh tại UBND xã V về quan hệ hôn nhân của chị H và anh D được đại diện chính quyền địa pH cung cấp đầu năm 2021 vợ chồng chị H và anh D mâu thuẫn trầm trọng chị H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó đến nay không quay về nhà anh D nữa, vợ chồng anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh D là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy chị H xin được ly hôn anh D là phù hợp với điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên cần xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh D đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Hán Thị Thu H, sinh ngày 28/6/2006; Hán Thị Thanh H, sinh ngày 11/8/2008; Hán Đức H, sinh ngày 13/8/2012. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng chị H. Nguyên vọng của các con chung đều đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu xin ở với mẹ. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D nhất trí theo nguyên vọng của các con chung, nhất trí giao cả ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Chị H và anh D đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng D sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm b, khoản 1, điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự. Luật phí và lệ phí 2015. Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử: 1, Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hán Giáp D.

2, Về con chung: Giao 03 con chung chưa thành niên là cháu Hán Thị Thu H, sinh ngày 28/6/2006; Hán Thị Thanh H, sinh ngày 11/8/2008; Hán Đức H, sinh ngày 13/8/2012 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H và anh Hán Giáp D đều xác nhận không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4, Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0003064 ngày 30/7/2021 tại Chi cục thi hành án D sự Hện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án D sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND H. Tam Nông;
- Chi cục THADS Hện;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu H